

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC**  
**LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>					
1	1.000095	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên)	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục II).	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
<b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục II).	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
<b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>					
1	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP).	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Ủy ban nhân dân cấp xã

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

**1. Tên thủ tục: Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên)**

#### ***1.1. Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp, hoặc 02 ngày làm việc đối với trường hợp nhận được qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm phải thông báo bằng văn bản cho bên nộp hồ sơ về tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra phải tiến hành kiểm tra, xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra hoàn thành báo cáo, gửi Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định miễn, giảm và trả kết quả cho bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

***1.2. Cách thức thực hiện:*** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

#### ***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

##### ***a) Đối với cá nhân:***

- Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoặc người giám hộ, người thừa kế của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm.

##### ***b) Đối với tổ chức:***

- Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, trong đó nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm;

- Bản kê tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản; bản sao chụp quyết định giải thể hoặc phá sản (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

##### ***c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ***

***1.4. Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.
- Người có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.**1.7. Phí, lệ phí:** không**1.8. Mẫu đơn, tờ khai:** không

**1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

**1.10. Điều kiện thực hiện TTHC:** không**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Tên thủ tục: Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)**

### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ nộp trực tiếp, 02 ngày làm việc nếu nhận được qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, nếu thành phần hoặc số lượng hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải thông báo cho bên sử dụng dịch vụ môi trường biết để bổ sung theo quy định;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra tổ chức xác minh tại hiện trường và lập biên bản xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra hoàn thành báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định miễn, giảm và trả kết quả cho bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

**1.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Đối với cá nhân:**

- Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoặc người giám hộ, người thừa kế của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm.

#### **b) Đối với tổ chức:**

- Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, trong đó nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm;

- Bản kê tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản; bản sao chụp quyết định giải thể hoặc phá sản (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

### **1.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.7. Phí, lệ phí:** không

**1.8. Mẫu đơn, tờ khai:** không

**1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

**1.10. Điều kiện thực hiện TTHC:** không

**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### 1. Tên thủ tục: Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân

#### 1.1. Trình tự thực hiện:

##### a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng cách trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

##### b) Bước 2: Xác minh

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất và lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

##### c) Bước 3: Ban hành quyết định

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng; trường hợp không hỗ trợ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP;
- Bản thiết kế trồng rừng, chăm sóc năm thứ nhất theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP;
- Bản sao hợp đồng tín dụng đã ký giữa chủ rừng và ngân hàng thương mại.

#### 1.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### 1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ rừng.

#### 1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** không

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP;

- Bản thiết kế trồng rừng, chăm sóc năm thứ nhất theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

- Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm....

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, ....

Tôi tên là:.....Sinh ngày: .....

Căn cước công dân/Căn cước số: .....

Nơi cấp: .....cấp ngày.../tháng.../năm...

Địa chỉ thường trú: .....

Địa chỉ hiện tại: .....

Số điện thoại: .....

Tôi là bên vay trong Hợp đồng vay tín dụng số.....được ký kết vào ngày...../...../..... giữa Tôi và Ngân hàng ..... với số tiền là: ..... đồng. Nội dung hợp đồng có ghi rõ số tiền vay và mức lãi suất hàng tháng mà tôi phải trả là:.....đồng. Tôi đã sử dụng số tiền vay để đầu tư vào trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Sau khi nghiên cứu chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng thương mại quy định tại Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, Tôi đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định được hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng theo Nghị định số...../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ, cụ thể:

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm./.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

**THIẾT KẾ TRỒNG, CHĂM SÓC RỪNG NĂM THỨ NHẤT**

Tiểu khu:.....

Khoảnh:.....

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô ...	...
<b>I. Xử lý thực bì:</b>			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
<b>II. Làm đất:</b>			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
<b>III. Bón lót phân:</b>			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
<b>IV. Trồng rừng:</b>			
1. Loại cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô ...	...
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
<b>V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:</b>			
1. Lần thứ nhất: (tháng ... đến tháng....)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
- .....			

Ngày .... tháng .... năm...

**CHỦ RỪNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày... tháng... năm.....

**BIÊN BẢN**

**Xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng**  
**theo Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ**

---

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., chúng tôi gồm có:

**A. THÀNH PHẦN**

- Ông/Bà:.....đại diện Phòng.....

- Ông/Bà:.....đại diện Phòng.....

- .....

- .....

- Ông/Bà: .....

**B. NỘI DUNG KIỂM TRA**

Tiến hành xác minh việc đáp ứng các điều kiện về hỗ trợ lãi suất tín dụng theo quy định tại Nghị định số .../...../ND-CP ngày ... tháng... năm.... của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, cụ thể:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện trồng rừng gỗ lớn

.....

2. Kiểm tra thực tế việc trồng rừng, hồ sơ, tài liệu liên quan

- Họ, tên chủ rừng đề nghị được hỗ trợ:.....

- Tên khu rừng trồng gỗ lớn:.....

- Địa điểm rừng trồng gỗ lớn: .....

- Diện tích rừng trồng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ: .....(có bản đồ, sơ đồ đính kèm);

- Loại rừng: .....

- Loại cây trồng: .....

- Năm trồng: .....

- Mật độ hiện tại: .....

- Tổng số vốn vay tại ngân hàng thương mại:..... đồng.

- Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....đồng.

- Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất: .....

3. Hộ gia đình, cá nhân đã được hỗ trợ từ chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ khác nhưng chưa được hỗ trợ cho việc trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ:

.....  
.....

4. Các vấn đề khác có liên quan

Biên bản kết thúc vào hồi...ngày...tháng...năm....; đã được các thành phần tham gia nhất trí thông qua và lập thành 02 bản: 01 bản gửi chủ rừng; 01 bản lưu hồ sơ hỗ trợ lãi suất.

**CHỦ RỪNG**

**TỔ XÁC MINH**